



# MARKET LENS

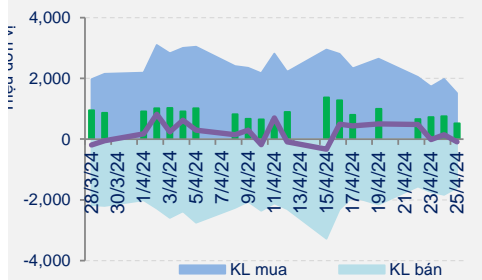
Phiên giao dịch ngày: 25/4/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

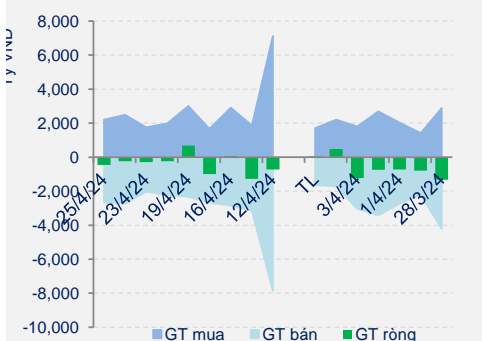
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,204.97	227.57
% Thay đổi	↓ -0.05%	↓ -0.13%
KLGD (CP)	518,881,955	61,955,215
GTGD (tỷ đồng)	14,145.79	1,223.69
Tổng cung (CP)	1,600,175,929	105,585,600
Tổng cầu (CP)	1,511,530,373	92,642,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	92,593,877	1,833,399
KL mua (CP)	72,381,956	3,833,377
GT mua (tỷ đồng)	2,211.45	125.43
GT bán (tỷ đồng)	2,673.14	36.54
GT ròng (tỷ đồng)	(461.69)	88.89

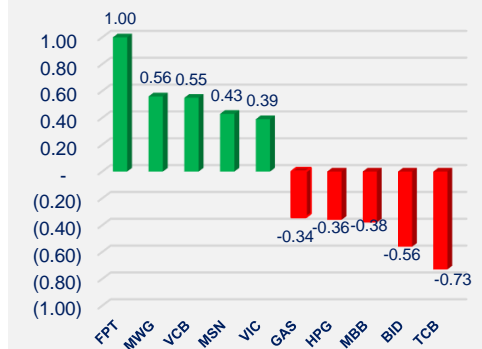
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau khi phục hồi lấy lại mốc hỗ trợ tâm lý 1,200 điểm, VN-INDEX trong phiên giao dịch hôm nay chịu áp lực rung lắc điều chỉnh trở lại ở vùng hỗ trợ và dao động trong biên độ hẹp 1.200 điểm -1.211 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2018. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 0,64 điểm (-0,05%) về mức 1.204,97 điểm, duy trì trên mốc tâm lý 1.200 điểm. HNX-INDEX giảm 0,30 điểm (-0,13%) lên mức 227,57 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực khi nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ trở lại khi có 398 mã giảm giá (08 mã giảm sàn), 218 mã tăng giá (17 mã tăng trần) và 136 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết chỉ đạt 15.363,28 tỷ đồng, giảm khá mạnh 28,22% so với phiên trước, chỉ khoảng 60% mức trung bình cho thấy áp lực điều chỉnh khá thấp sau phiên phục hồi tốt, cũng như nhà đầu tư thận trọng hơn trong giao dịch trước kỳ nghỉ lễ kéo dài 05 ngày. Khối ngoại gia tăng giao dịch, tiếp tục xu hướng bán ròng liên tục trên HOSE với giá trị gia tăng lên 464,31 tỷ đồng trong phiên hôm nay; tập trung bán ròng khá đột biến ở chứng chỉ quỹ FUEVFNVD... duy trì mua ròng tốt trên HNX với giá trị 88,89 tỷ đồng, tập trung đột biến ở cổ phiếu PVS, IDC.

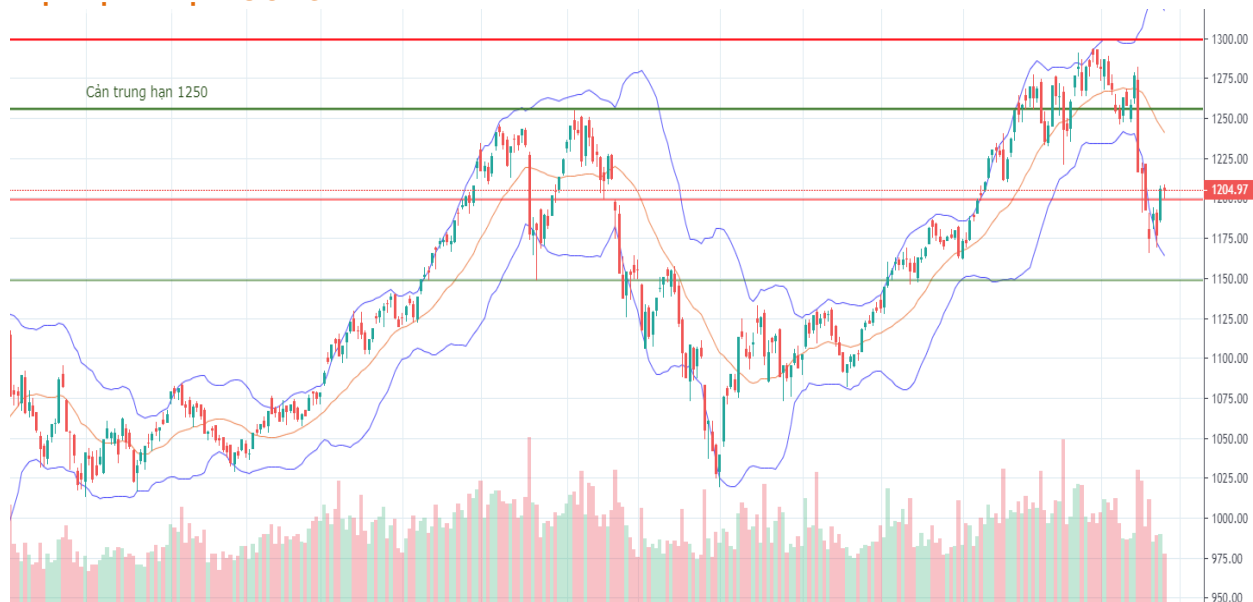
Ngày 25/04/2024, tại Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2024, Phó Thống đốc cho biết Ngân hàng Nhà nước (NHNN) khẳng định chưa đặt vấn đề điều chỉnh lãi suất, dù tăng hay giảm mà duy trì lãi suất điều hành hiện nay và khuyến khích các TCTD giảm lãi suất cho vay nhất là ở các lĩnh vực ưu tiên. Về tỷ giá, NHNN có thông tin trong trường hợp cần thiết để ổn định tỷ giá sẽ dùng quỹ dự trữ ngoại hối để bán can thiệp. Đến giờ, tỷ giá trung tâm của NHNN cũng giảm còn 4.8% so với năm 2023. Dù vậy, mức mất giá này vẫn là tích cực so với nhiều thị trường như Đài Loan (Trung Quốc) 5.96%; Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ đều mất giá cao hơn nhiều...

Nhiệm cổ phiếu công nghệ, viễn thông tiếp tục có diễn biến tích cực khi nhiệm mã tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng mạnh, tuy nhiên phân hóa mạnh hơn với FOX (+7,84%), VGI (+3,09%), FPT (+2,58%), VTP (+2,03%)... ngoài các cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh CTR (-1,61%), CMG (-1,55%), VTK (-1,45%)... Các cổ phiếu bán lẻ tiếp tục có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh như MWG (+2,87%), MSN (+1,79%), FRT (+1,32%)... ngoài PET (-0,83%), DGW (-0,68%)... điều chỉnh nhẹ, thanh khoản giảm khá mạnh, dưới mức trung bình.

Các mã ngân hàng cũng phân hóa mạnh, đa số biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản giảm, dưới mức trung bình, đa số giảm điểm với OCB (-1,81%), TCB (-1,81%), MSB (-1,45%), MBB (-1,33%)... ABB (+2,63%), EIB (+1,70%), HDB (+0,45%), VCB (+0,44%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước như CSI (-5,44%), VIC (-2,78%), VDS (-2,35%), BSI (-1,71%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ như TVB (+2,48%), SHS (+0,54%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su sau giai đoạn chịu áp lực bán mạnh tiếp tục phục hồi tốt hơn, thanh khoản cải thiện, nhưng vẫn dưới mức trung bình như PHR (+1,79%), IDC (+1,47%), DTD (+1,18%)... và các mã chịu áp lực điều chỉnh trở lại, thanh khoản suy giảm sau phiên phục hồi mạnh với DPR (-1,33%), SIP (-1,10%), GVR (-0,34%)... Các cổ phiếu bất động sản kém tích cực hơn, đa số chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh trở lại với CCL (-5,25%), FIR (-4,04%), NHA (-2,79%), CEO (-2,14%)... ngoài QCG (+6,71%), HPX (+2,35%), TCH (+1,61%)... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến khá tương tự, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản suy giảm.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 giảm 3,5 điểm (-0,28%), chênh lệch chuyển âm gia tăng lên 6,72 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh 17,98% so với phiên trước. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang phục hồi sau đợt giảm mạnh với hỗ trợ vùng giá quanh 1.210 điểm - 1.220 điểm. Kháng cự gần nhất 1.236 điểm, tương ứng giá kết phiên ngày giảm điểm mạnh 15/04/2023. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -3,72 điểm đến 0,08 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch dịch chuyển sang âm so với VN30, chệch thấy các trader nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh nhẹ trở lại trong ngắn hạn, gia tăng các vị thế bán phòng ngừa rủi ro cho VN30.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Thị trường hồi phục như kỳ vọng và Vn-Index hình thành mô hình w ở đáy ngắn hạn sau phiên tăng điểm mạnh hôm qua. Chốt phiên Vn-Index chỉ giảm điểm nhẹ 0,64 điểm (-0,05%) và đóng cửa tại 1.204,97 điểm, vẫn duy trì trên mốc tâm lý 1.200 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn kịch bản tích cực đã xảy ra và VN-Index dự báo sẽ tiếp tục đà hồi phục trong các phiên sắp tới với mục tiêu là quanh 1.250 điểm, kháng cự gần là quanh vùng 1.225 điểm, trong quá trình hồi phục sẽ có các nhịp rung lắc đan xen. Xác suất VnIndex bất ngờ giảm mạnh để test hỗ trợ 1.150 là không cao.

Về góc nhìn trung hạn, VnIndex đã trở lại kênh tích lũy rộng 1.150 điểm - 1.250 điểm và đang trong nhịp tăng ngắn hạn của vận động Swing trong kênh tích lũy, xu hướng trung hạn vẫn là vận động tích lũy và quá trình tích lũy có thể kéo dài hơn bởi thị trường sẽ cần nhiều thời gian vận động chặt chẽ lại.

Thị trường dự báo tiếp tục hồi phục nhưng sẽ có các nhịp rung lắc. Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Những nhà đầu tư đang có tỷ trọng lớn có thể tranh thủ nhịp hồi phục sắp tới để cơ cấu lại danh mục, hạ tỷ trọng về mức an toàn. Nhà đầu tư trung - dài hạn có thể tiếp tục chiến lược giải ngân dần trong các nhịp giảm điểm, mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có triển vọng tích cực trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

25/4/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	55.20	47-51	58-59	52	13.1	85.4%	167.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	37.2	34.5-36.5	43-44	35	15.7	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
LHG	32.55	32.5-33	38-39	31	9.8	40.3%	102.4%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.95	14-14.3	18-18.6	13.5	7.7	-18.7%	91.6%	Theo dõi giải ngân
DTD	25.8	24-25	30-31	25	6.0	-11.6%	117.0%	Theo dõi giải ngân
KBC	29.5	27.5-28.5	32-33	25	11.3	350.3%	113.9%	Theo dõi giải ngân
CTD	65.1	59-62	78-80	57	34.3	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	123.2	110-114	134-136	94	24.1	12.6%	27.9%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.90	18.09	23-24	21	15.5%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	32.55	32	38-39	30	1.7%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	31.25	32.2	37-38	31	-3.0%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	14.95	14.2	18-18.5	14.5	5.3%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	37.20	36.8	43-44	35	1.1%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	29.50	28.75	32-33	27	2.6%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	123.20	114.2	134-136	114	7.9%	Nắm giữ



**TIN VĨ MÔ**

**NHNN khẳng định chưa đặt vấn đề điều chỉnh lãi suất, dù tăng hay giảm**

Chia sẻ tại Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2024 phiên 2 do Báo Người Lao Động tổ chức sáng ngày 25/4, Phó Thống đốc Đào Minh Tú khẳng định cho biết lãi suất hiện đã rất thấp trong vài chục năm nay, nhất là đối với các khoản vay mới. Tuy nhiên, NHNN khẳng định chưa đặt vấn đề điều chỉnh lãi suất, dù tăng hay giảm mà duy trì lãi suất điều hành hiện nay và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay nhất là ở các lĩnh vực ưu tiên. Phó Thống đốc cũng cho rằng điều hành lãi suất đòi hỏi phải hợp lý, vì có liên quan tới chính sách tỷ giá. Do đó, NHNN đưa ra quan điểm điều hành là hạ lãi suất nhưng phải phù hợp bối cảnh kinh tế vĩ mô và áp lực lạm phát, ông nói.

**Chuyên gia đề xuất giảm 2% VAT đến hết năm 2025**

Bloomberg dẫn một dự báo vĩ mô do Bộ Phát triển Kinh tế Nga soạn thảo cho thấy giá khí đốt nước này bán cho Trung Quốc sẽ thấp hơn 28% so với giá bán cho người tiêu dùng châu Âu, ít nhất cho đến năm 2027. Theo kịch bản cơ sở của Bộ trên, trong năm 2024, giá xuất khẩu khí đốt Nga sang Trung Quốc sẽ là 257 USD/1.000 m<sup>3</sup> so với mức 320,30 USD/1.000 m<sup>3</sup> bán cho thị trường châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ (chênh lệch 19,76%). Năm 2025, giá khí đốt bán cho Trung Quốc và châu Âu được dự báo lần lượt là 243,7 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 320,1 USD/1.000 m<sup>3</sup>. Các mức giá của năm 2026 là 233 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 320 USD/1.000 m<sup>3</sup> và năm 2027 là 227,8 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 315,4 USD/1.000 m<sup>3</sup>. Trong mọi trường hợp, chênh lệch phần trăm không vượt quá 28%.

**Hủy đấu thầu vàng miếng ngày 25/04, giá vàng trong nước bật tăng trở lại**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa thông báo phiên đấu thầu vàng miếng sáng 25/04/2024 bị hủy bỏ do chỉ có 1 đơn vị nộp phiếu dự thầu. Cập nhật lúc 8h30 sáng ngày 25/04, giá vàng SJC trong nước được niêm yết ở mức giá 81.5 - 83.8 triệu đồng/lượng ở chiều mua - bán, giảm 700,000 đồng/lượng so với phiên hôm trước. Sau thông báo hủy đấu thầu, giá vàng bật tăng trở lại, cập nhật lúc 10h56p là 81.7 - 84 triệu đồng/lượng ở chiều mua - bán.

**Nga bán khí đốt giá rẻ cho Trung Quốc**

Bloomberg dẫn một dự báo vĩ mô do Bộ Phát triển Kinh tế Nga soạn thảo cho thấy giá khí đốt nước này bán cho Trung Quốc sẽ thấp hơn 28% so với giá bán cho người tiêu dùng châu Âu, ít nhất cho đến năm 2027. Theo kịch bản cơ sở của Bộ trên, trong năm 2024, giá xuất khẩu khí đốt Nga sang Trung Quốc sẽ là 257 USD/1.000 m<sup>3</sup> so với mức 320,30 USD/1.000 m<sup>3</sup> bán cho thị trường châu Âu và Thổ Nhĩ Kỳ (chênh lệch 19,76%). Năm 2025, giá khí đốt bán cho Trung Quốc và châu Âu được dự báo lần lượt là 243,7 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 320,1 USD/1.000 m<sup>3</sup>. Các mức giá của năm 2026 là 233 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 320 USD/1.000 m<sup>3</sup> và năm 2027 là 227,8 USD/1.000 m<sup>3</sup> và 315,4 USD/1.000 m<sup>3</sup>. Trong mọi trường hợp, chênh lệch phần trăm không vượt quá 28%.

**TIN DOANH NGHIỆP****Chủ tịch Phạm Nhật Vượng muốn rót thêm 1 tỷ USD cho hãng xe điện**

Ngày 25/4, tập đoàn Vingroup (VIC) đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2024. Theo tài liệu họp do Vingroup công bố, năm nay tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu kỷ lục 200.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4.500 tỷ đồng. So với năm trước, doanh thu VIC dự kiến tăng 23,7% còn lợi nhuận tăng 119%. Ông Vượng khẳng định VinFast là sứ mệnh, danh dự và tương lai của Vingroup nên chúng tôi không bao giờ buông VinFast. Cá nhân ông có kế hoạch tài trợ thêm 1 tỷ USD cho VinFast trong thời gian tới. Không công ty nào trong tập đoàn chối bỏ trách nhiệm tài trợ cho hãng xe điện này nhưng phải đúng quy định pháp luật. Thậm chí, Vingroup còn bán bớt một số tài sản cho công ty con hoặc ra ngoài để dồn lực tài trợ cho VinFast.

**Tập đoàn Hoà Phát (HPG): Thông qua việc phát hành hơn 580 triệu cổ phiếu**

Hội đồng Quản trị CTCP Tập đoàn Hoà Phát vừa thông qua Nghị quyết về việc triển khai phương án chi tiết kế hoạch phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2023 với tỷ lệ 10%. Tương ứng, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu HPG sẽ được nhận 10 cổ phiếu mới. Theo đó, Tập đoàn Hoà Phát sẽ phát hành 581,4 triệu cổ phiếu. Nguồn vốn phát hành từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối. Thời gian thực hiện dự kiến là trong quý 2/2024 ngay sau khi được UBCK Nhà nước chấp thuận. Nếu quá trình phát hành diễn ra thành công, vốn điều lệ của Tập đoàn Hoà Phát sẽ tăng thêm hơn 5.814 tỷ đồng, lên mức 63.960 tỷ đồng, tương ứng gần 6,4 tỷ cổ phiếu được lưu hành trên thị trường.

**LPB: Nợ xấu của LPBank tăng 16%**

Ngân hàng TMCP Lạc Phát Việt Nam (LPBank) vừa công bố báo cáo tài chính quý 1/ 2024 với thu nhập lãi thuần tăng 25% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 3.464 tỷ đồng. Lãi thuần tăng nhờ tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều cải thiện, hoạt động kinh doanh của cá nhân và doanh nghiệp bắt đầu phục hồi. Thu nhập dịch vụ đóng góp nhiều nhất cho nguồn thu của LPBank là gần 819 tỷ đồng, gấp 3,6 lần cùng kỳ. Hoạt động kinh doanh ngoại hối cũng thu được khoản lãi hơn 148 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với cùng kỳ. Tổng tài sản của LPBank mở rộng 7% so với đầu năm, lên gần 409.764 tỷ đồng. Tổng nợ xấu tính đến cuối quý 1 của LPBank tăng 16% so với đầu năm, ghi nhận 4.267 tỷ đồng.

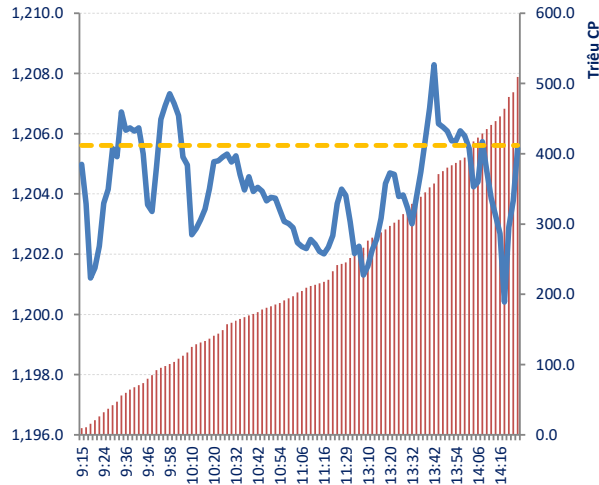
**Vinamilk (VNM) tiếp tục duy trì kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt**

Tổng giám đốc Vinamilk, bà Mai Kiều Liên, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cho biết Vinamilk sẽ tiếp tục duy trì kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 38,5% trong năm 2023. Vinamilk đã chi 6.061 tỷ đồng tạm ứng 3 đợt cổ tức cho cổ đông với tổng tỷ lệ 29% và sẽ còn một đợt cổ tức với tỷ lệ 9,5% (01 cổ phiếu nhận 950 đồng). Với 2,09 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Công ty dự kiến sẽ chi thêm 1.985 tỷ đồng để trả cổ tức đợt cuối năm 2023. Vinamilk đã ghi nhận 60.368 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 0,7% so với cùng kỳ và đánh dấu năm thứ ba liên tiếp đạt mốc doanh thu hơn 60.000 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 9.019 tỷ đồng, tăng 5,2% và hoàn thành 105% kế hoạch năm.

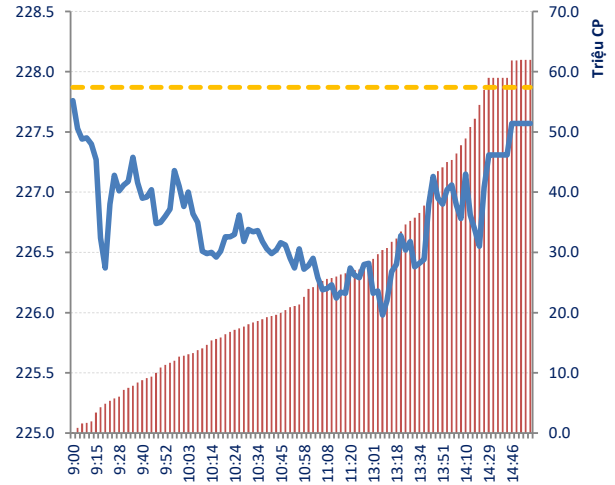




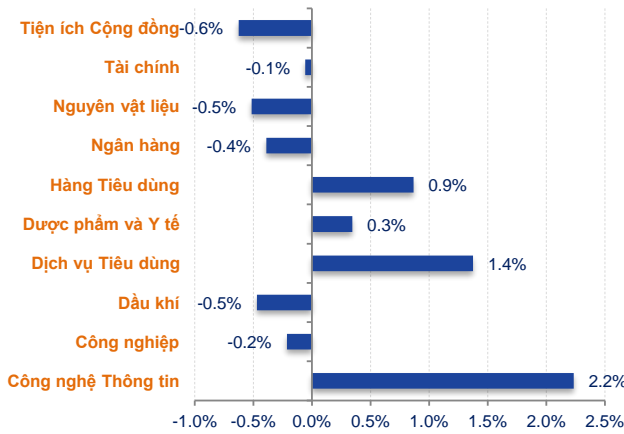
KLGD và VN-Index trong phiên



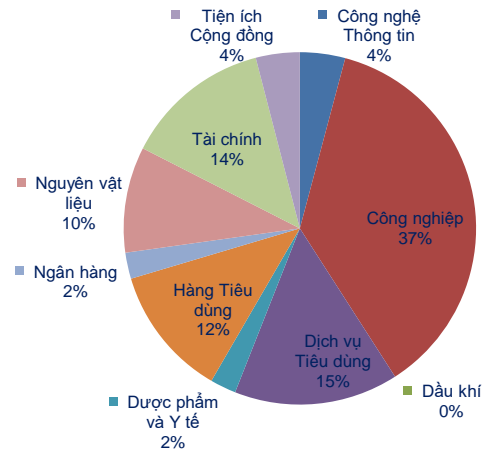
KLGD và HNX-Index trong phiên



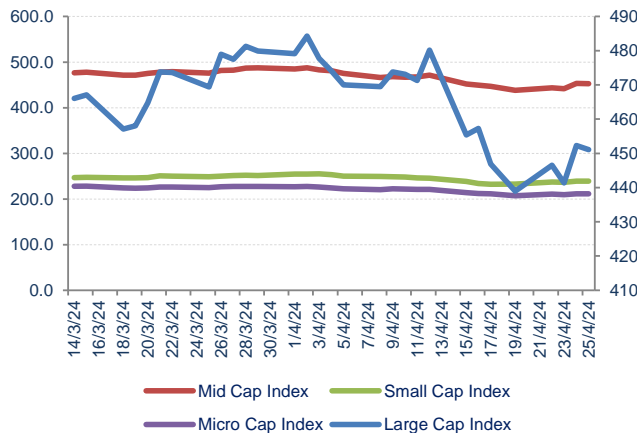
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



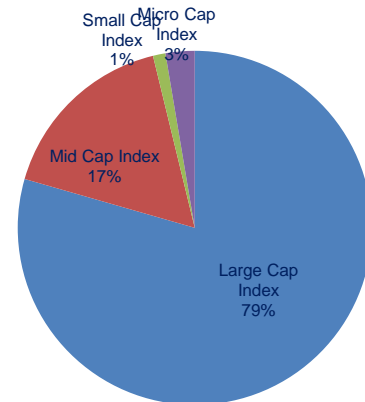
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	3,955,200	FUEVFVND	9,256,500	1	PVS	2,028,900	SHS	634,400
2	TPB	2,385,300	FUESSVFL	2,003,600	2	LAS	884,400	CEO	295,300
3	VND	2,166,000	GEX	1,747,100	3	IDC	257,000	TNG	62,900
4	ASM	1,807,200	EVF	1,631,800	4	DTD	63,800	TIG	43,800
5	HPG	1,431,940	DIG	1,556,900	5	TTH	20,000	MST	33,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MSB	13.75	13.55	↓ -1.45%	31,644,200	SHS	18.60	18.70	↑ 0.54%	15,203,995
MWG	52.30	53.80	↑ 2.87%	19,836,400	CEO	18.70	18.30	↓ -2.14%	4,761,267
EIB	17.65	17.95	↑ 1.70%	17,294,300	PVS	39.30	39.30	→ 0.00%	4,712,245
VIX	17.25	17.10	↓ -0.87%	15,357,200	HUT	17.20	17.10	↓ -0.58%	4,682,212
DIG	28.65	28.30	↓ -1.22%	15,069,200	LAS	19.30	19.00	↓ -1.55%	2,861,803

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUCVREIT	7.00	7.49	0.49	↑ 7.00%	L62	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
HID	2.87	3.07	0.20	↑ 6.97%	ARM	29.30	32.20	2.90	↑ 9.90%
FDC	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%	HMR	16.20	17.80	1.60	↑ 9.88%
HAS	8.06	8.62	0.56	↑ 6.95%	DC2	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
PIT	6.08	6.50	0.42	↑ 6.91%	CAN	50.00	54.90	4.90	↑ 9.80%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	6.36	5.92	-0.44	↓ -6.92%	INC	21.70	19.60	-2.10	↓ -9.68%
TMT	11.70	10.90	-0.80	↓ -6.84%	KHS	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
TCR	3.83	3.57	-0.26	↓ -6.79%	L61	3.30	3.00	-0.30	↓ -9.09%
QBS	1.65	1.54	-0.11	↓ -6.67%	MEL	6.80	6.20	-0.60	↓ -8.82%
COM	33.45	31.30	-2.15	↓ -6.43%	PEN	7.20	6.60	-0.60	↓ -8.33%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	31,644,200	16.0%	2,322	5.9	0.9
MWG	19,836,400	0.7%	115	456.4	3.3
EIB	17,294,300	10.1%	1,244	14.2	1.4
VIX	15,357,200	12.8%	1,670	10.3	1.3
DIG	15,069,200	1.5%	195	147.2	2.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	15,203,995	5.7%	688	27.0	1.4
CEO	4,761,267	3.0%	402	46.5	1.5
PVS	4,712,245	7.7%	2,148	18.3	1.4
HUT	4,682,212	0.6%	89	194.2	1.4
LAS	2,861,803	12.0%	1,487	13.0	1.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FUCVREIT	↑ 7.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
HID	↑ 7.0%	1.8%	222	12.9	0.2
FDC	↑ 7.0%	0.2%	19	612.8	1.0
HAS	↑ 6.9%	-1.4%	(242)	-	0.5
PIT	↑ 6.9%	-6.8%	(544)	-	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
L62	↑ 10.0%	-507.7%	(12,364)	-	-
ARM	↑ 9.9%	10.7%	1,256	23.3	2.4
HMR	↑ 9.9%	9.2%	1,214	13.3	1.3
DC2	↑ 9.9%	1.3%	135	60.1	0.8
CAN	↑ 9.8%	8.1%	2,414	20.7	1.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	3,955,200	0.7%	115	456.4	3.3
TPB	2,385,300	13.7%	2,019	8.9	1.2
VND	2,166,000	15.6%	2,057	10.2	1.5
ASM	1,807,200	2.5%	580	19.5	0.5
HPG	1,431,940	6.9%	1,175	24.5	1.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	2,028,900	7.7%	2,148	18.3	1.4
LAS	884,400	12.0%	1,487	13.0	1.5
IDC	257,000	22.6%	4,223	12.9	2.9
DTD	63,800	19.9%	4,407	5.8	1.0
TTH	20,000	4.6%	517	8.7	0.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	506,372	22.0%	5,910	15.3	3.1
BID	285,022	18.9%	3,773	13.3	2.3
CTG	176,941	17.0%	3,706	8.9	1.4
VHM	176,787	20.2%	7,664	5.3	1.0
GAS	171,337	18.4%	5,053	14.8	2.6

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,784	7.7%	2,148	18.3	1.4
IDC	17,952	22.6%	4,223	12.9	2.9
HUT	15,351	0.6%	89	194.2	1.4
SHS	15,125	5.7%	688	27.0	1.4
THD	13,590	2.9%	458	77.0	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	3.87	-45.6%	(3,445)	-	0.5
PSH	2.71	-9.6%	(1,295)	-	0.4
GEX	2.56	1.6%	388	52.3	0.8
TCD	2.43	1.7%	230	29.5	0.5
EVF	2.37	5.8%	708	19.6	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

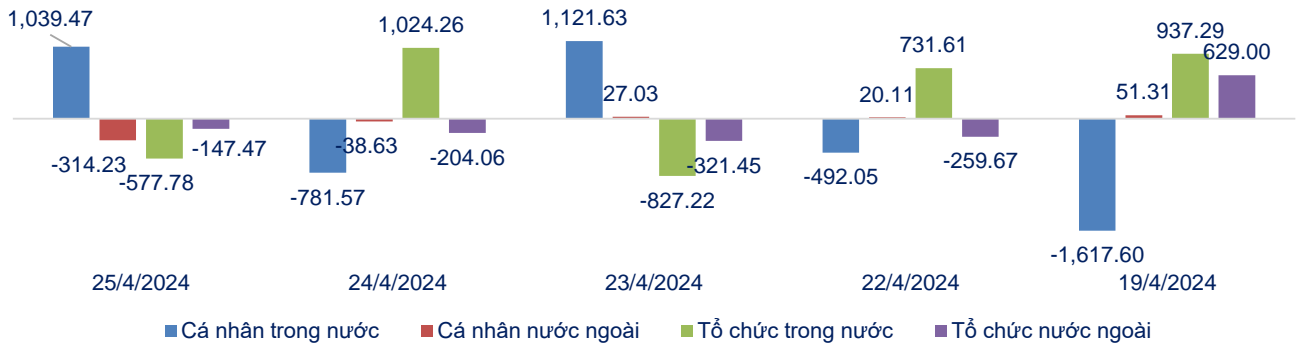
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.73	2.0%	293	28.7	0.6
VC7	2.66	5.2%	733	16.2	1.1
MST	2.64	9.7%	1,112	4.6	0.5
DTD	2.44	19.9%	4,407	5.8	1.0
CEO	2.35	3.0%	402	46.5	1.5





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	234.88	22.8%	5,338	22.5	4.8
MBB	112.25	21.5%	3,869	5.8	1.2
TCB	80.53	15.2%	5,606	8.4	1.2
ACB	73.79	24.8%	4,131	6.5	1.5
STB	62.88	18.3%	4,094	7.0	1.2

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FCN	-48.76	-0.9%	(204)	-	0.6
VND	-48.27	15.6%	2,057	10.2	1.5
MWG	-35.90	0.7%	115	456.4	3.3
PC1	-23.72	1.9%	450	57.2	1.1
HPG	-20.01	6.9%	1,175	24.5	1.6

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	5.60	26.2%	4,248	15.1	3.8
VFG	4.37	26.4%	7,629	8.0	2.0
PVD	1.64	4.0%	1,050	28.8	1.1
HPG	1.22	6.9%	1,175	24.5	1.6
SAB	1.11	16.4%	3,210	16.7	2.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-314.76	16.0%	2,322	5.9	0.9
EIB	-7.31	10.1%	1,244	14.2	1.4
CNG	-3.33	14.1%	2,313	13.3	1.8
RAL	-3.20	20.5%	25,476	5.2	1.0
HNG	-1.49	-41.5%	(991)	-	1.9

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	276.15	N/A	N/A	N/A	N/A
FCN	49.80	-0.9%	(204)	-	0.6
GEX	40.75	1.6%	388	52.3	0.8
FUESSVFL	39.05	N/A	N/A	N/A	N/A
PC1	24.11	1.9%	450	57.2	1.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-237.30	22.8%	5,338	22.5	4.8
MWG	-174.69	0.7%	115	456.4	3.3
MBB	-112.52	21.5%	3,869	5.8	1.2
TCB	-83.97	15.2%	5,606	8.4	1.2
ACB	-73.79	24.8%	4,131	6.5	1.5

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	308.27	16.0%	2,322	5.9	0.9
MWG	210.66	0.7%	115	456.4	3.3
VND	45.51	15.6%	2,057	10.2	1.5
TPB	42.59	13.7%	2,019	8.9	1.2
HPG	39.61	6.9%	1,175	24.5	1.6

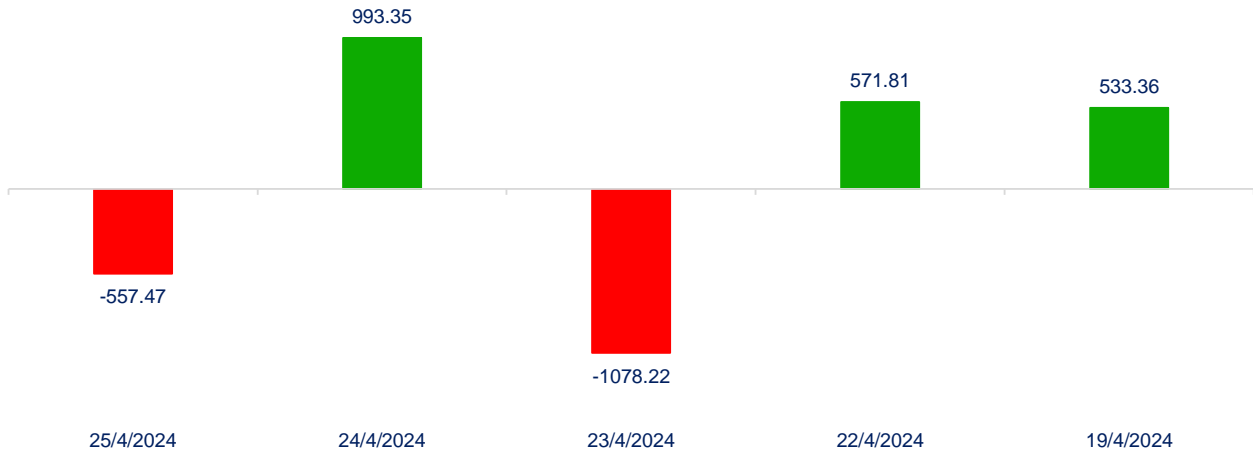
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-276.29	N/A	N/A	N/A	N/A
DIG	-43.71	1.5%	195	147.2	2.2
GAS	-40.29	18.4%	5,053	14.8	2.6
FUESSVFL	-39.87	N/A	N/A	N/A	N/A
GEX	-35.30	1.6%	388	52.3	0.8

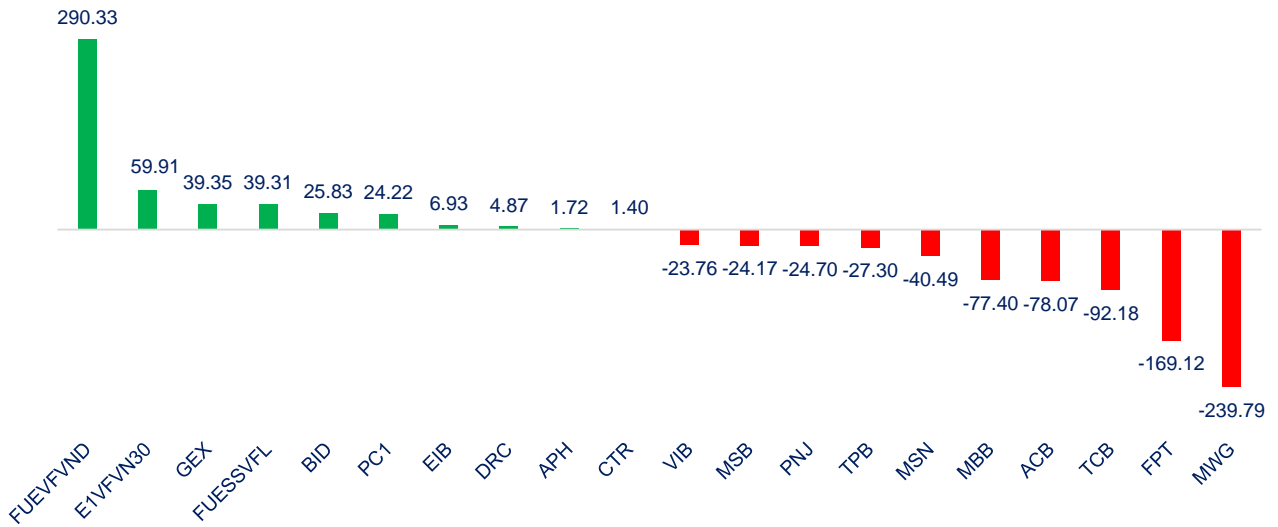


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)